

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ - ST

Ngày 22 - 5 - 2025

V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thái
2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu X2, ngõ 3 nhà 2 đường T L, huyện T T, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn P, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký HKTT: TDP Đ L, thị trấn T L, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại K3, trại giam Quyết Tiến.

Địa chỉ: Thôn BC, xã V L, huyện S T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Minh T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn P vào ngày 09/01/2006 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa

Hưng, tỉnh Nam Định. Sau ngày cưới, chị và anh P ở riêng ngay, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà bố mẹ anh P tại thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, anh P thường xuyên vi phạm pháp luật. Từ năm 2008 đến nay, anh P liên tục phạm nhiều tội và phải đi chấp hành án. Hiện nay, anh P vẫn đang chấp hành án tù chung thân tại Phân trại K3, trại giam Quyết Tiến. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010. Hiện nay, cháu Tuấn Anh và cháu H đang ở với chị. Do cháu Tuấn Anh đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết còn chị đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, khoản vay, cho vay, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Tuấn P trình bày: Anh thừa nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Trần Thị Minh T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P là do quá trình chung sống từ năm 2008 đến nay, anh liên tục phạm tội và phải đi chấp hành án tại trại giam. Anh bị toà án xét xử về các tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản, làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, trốn khỏi nơi giam giữ. Hiện nay, anh đang chấp hành án chung thân tại Phân trại K3, trại giam Quyết Tiến. Đến nay anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, chị T xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Về con chung: Anh P xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010. Ly hôn, do cháu Tuấn Anh đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh đề nghị để chị T nuôi cháu H do anh đang phải đi chấp hành án. Về tài sản, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh P cũng không đề nghị Tòa án giải quyết. Do hiện nay anh P đang phải chấp hành án tại Phân trại K3, trại giam Quyết Tiến tại tỉnh Tuyên Quang nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Anh P đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký,

Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Minh T, cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P; Về con chung: giao cháu Nguyễn Huy H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Minh T có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tuấn P và đề nghị giải quyết về con chung, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Tuấn P có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh P có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Tuấn P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định nên chị T, anh P là vợ chồng hợp pháp.

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Mâu thuẫn của chị T, anh P bắt đầu phát sinh từ năm 2008. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P vi phạm pháp luật dẫn đến phải đi chấp hành án liên tục nên vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng không còn quan tâm nhau cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần. Vì vậy có đủ cơ sở để xác định: Tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh P đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị T và anh P ly hôn.

- Về con chung: Chị T, anh P đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Anh, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2006 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010. Cháu Tuấn Anh và cháu H hiện đang ở cùng chị T. Do cháu Tuấn Anh đã thành niên nên chị T, anh P không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, hai bên đều đề nghị để chị T nuôi cháu H, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện nay anh P đang phải chấp hành án tại trại giam nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của cháu H cần giao cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung như các bên đề nghị là phù hợp. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị Trần Thị Minh T và anh Nguyễn Tuấn P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Minh T được ly hôn anh Nguyễn Tuấn P.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Minh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2010. Anh Nguyễn Tuấn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002792 ngày 26/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Ý Tường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ý Tường